

Bản án số: **50/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/9/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Lý và bà Nguyễn Thị Minh Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thái Hà -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2022/TLST - HNGĐ, ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 198x.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 198x.

Cùng địa chỉ: Tổ X, phường Y, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự đều vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 8 năm 2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Lê Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn N đăng ký kết hôn ngày 18/3/2011 tại Ủy ban nhân dân phường Yên T, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N đi theo đạo “Đức chúa trời”, thường xuyên tụ tập đông người để truyền đạo, không dành thời gian phụ giúp chị việc nhà và kinh tế để nuôi con...Mâu thuẫn đã được vợ chồng và hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2022, không còn quan tâm đến nhau. Đến nay chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Về nuôi con: Chị và anh N có hai con chung là Nguyễn Hà L và Nguyễn Thu H, cùng sinh ngày 23/10/2012. Do sinh đôi nên từ bé hai cháu rất quấn quýt, không rời nhau, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn - anh Nguyễn Văn N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh N xác nhận ngày, tháng, năm địa điểm đăng ký kết hôn như lời chị H trình bày là đúng, nhưng anh không hoàn toàn nhất trí về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh đi theo đạo “Đức chúa trời” dẫn đến việc không dành thời gian cho vợ con, bỏ bê gia đình, không phụ giúp được chị H về kinh tế. Anh cho rằng gia đình nào cũng xảy ra những mâu thuẫn, nhưng đó là điều hết sức bình thường trong cuộc sống hàng ngày, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H nên không nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để anh và chị H về đoàn tụ.

- Về nuôi con: Anh N xác nhận có hai con chung với chị H như chị trình bày nêu trên là đúng, do anh không nhất trí ly hôn với chị H nên không đề nghị Tòa án giải quyết về việc nuôi con, nhưng nếu chị Huyền kiên quyết đề nghị ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con là Nguyễn Hà L và Nguyễn Thu H, cùng sinh ngày 23/10/2012 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản, nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các quyền, nghĩa vụ của đương sự đã được bảo đảm.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn N; Về nuôi con: Giao các cháu Nguyễn Hà L và Nguyễn Thu H, cùng sinh ngày 23/10/2012 cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí, buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn - anh Nguyễn Văn N có hộ khẩu thường trú tại tổ X, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Tại phiên tòa, các đương sự (nguyên đơn, bị đơn vắng mặt) nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật TTDS 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, chị H cho rằng các mâu thuẫn này không thể giải quyết được, còn anh N cho rằng đó chỉ là những mâu thuẫn bình thường trong đời sống hàng ngày, không đáng phải ly hôn...Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần giữa các đương sự nhưng không thành, chị H kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh N đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng không đưa ra được các giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Chị H và anh N có hai con chung là Nguyễn Hà L và Nguyễn Thu H, cùng sinh ngày 23/10/2012. Xét nguyện vọng của chị H và anh N đều mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con là chính đáng. Tuy nhiên, hai cháu L và H là con song sinh, đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, hiện đang cùng học lớp 5A trường tiểu học Y, thành phố Yên Bái và đều đang do chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng. Anh N và chị H hiện đang sống ly thân. Về điều kiện kinh tế, chị H đang làm thủ quỹ kiêm thủ kho tại Công ty TNHH XDTM B, có địa chỉ tại: Tổ 04, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, có mức thu nhập bình quân một tháng là 20.700.000đồng (có văn bản xác nhận mức thu nhập trong hồ sơ), điều kiện làm việc thuận lợi, có đủ thời gian để chăm sóc, giáo dục con, anh N trình bày có mức thu nhập 15.000.000đ/01 tháng nhưng không có căn cứ chứng minh. Do đó, để ổn định cuộc sống, học tập và sinh hoạt của các cháu L, H, nên giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

[4] Về mức cấp dưỡng: Do chị H không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147; Các Điều 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về nuôi con: Giao chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con là Nguyễn Hà L và Nguyễn Thu H, cùng sinh ngày 23/10/2012 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0000xxx ngày 03/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (chị H, anh N) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự (02);
- VKSND thành phố Yên Bái;
- Chi cục THADS thành phố Yên Bái;
- UBND p Yên Thịnh, tp Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁶⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà)

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà).....⁽⁷⁾

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân⁽⁸⁾..... tham gia phiên toà:

Ông (Bà).....-Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁹⁾ tại

xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án thụ lý số:...../...../TLST-.....⁽¹¹⁾
ngày..... tháng..... năm..... về tranh chấp.....⁽¹²⁾

theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST
ngày..... tháng..... năm..... giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:⁽¹³⁾

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:⁽¹⁴⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:⁽¹⁵⁾

2. Bị đơn:⁽¹⁶⁾

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:⁽¹⁷⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:⁽¹⁸⁾

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn):⁽¹⁹⁾

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽²⁰⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽²¹⁾

4. Người làm chứng⁽²²⁾

5. Người giám định:⁽²³⁾

6. Người phiên dịch:⁽²⁴⁾

NỘI DUNG VỤ ÁN: ⁽²⁵⁾

.....
.....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN: ⁽²⁶⁾

[1]

[2]

[3]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào.....⁽²⁷⁾

⁽²⁸⁾.....

29)

..... (
